

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Quyết định số 5930/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xây dựng Kế hoạch thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, lộ trình, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Chương trình) ban hành kèm theo Quyết định số 5930/QĐ-BNNMT.

- Cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 5930/QĐ-BNNMT thành các hoạt động, nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện.

- Tăng cường quản lý, phục hồi và sử dụng bền vững tài nguyên đất; phòng ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất, hoang mạc hóa, hạn hán; góp phần bảo đảm an ninh sinh thái, sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao nhận thức, kiến thức và năng lực của các cơ quan, tổ chức trong việc ngăn chặn, giảm thiểu và phục hồi thoái hóa đất, phòng chống sa mạc hóa, góp phần thực hiện mục tiêu cân bằng suy thoái đất vào năm 2030 và quản lý bền vững tài nguyên đất đến năm 2050.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tính đồng bộ với các chiến lược, chương trình, đề án quốc gia về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển nông nghiệp bền vững.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, khí hậu và cơ cấu cây trồng của từng vùng sinh thái.

- Ưu tiên các giải pháp kỹ thuật có tính khả thi, dễ áp dụng, hiệu quả cao và có khả năng nhân rộng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, góp phần ngăn chặn, giảm thiểu thoái hóa đất, phục hồi các vùng đất bị thoái hóa, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất, bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân và đóng góp vào mục tiêu cân bằng suy thoái đất của Hà Tĩnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hoá toàn tỉnh và theo các vùng kinh tế - xã hội ở các mức độ và nguyên nhân; tăng mật độ các trạm khí tượng thủy văn phục vụ công tác theo dõi, giám sát và dự báo, cảnh báo sớm.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch các khu vực sa mạc hoá theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hoá đất thông qua sử dụng bền vững đất đai; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước; duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 52%, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất và hiệu quả rừng trồng và các hệ thống nông lâm kết hợp để giảm thiểu lượng bốc hơi tiềm năng vào mùa khô; bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

b) Đến năm 2050

- Giảm thiểu diện tích đất bị thoái hóa trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu chung của toàn quốc để phù hợp với phạm vi quản lý của địa phương; đặc biệt tập trung khoanh vùng, hạn chế tối đa diện tích đất bị thoái hóa nặng có nguy cơ sa mạc hóa cao thông qua việc đẩy mạnh phục hồi đất bị thoái hóa ở mức độ nhẹ và trung bình, đồng thời chủ động ngăn ngừa, không để gia tăng thêm diện tích đất bị thoái hóa nặng.

- Nâng cao đời sống nhân dân, phân đầu thu nhập bình quân của người dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh không thấp hơn 50% mức thu nhập bình quân đầu người của cả nước.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Khoanh vùng và định vị các khu vực đất bị sa mạc hoá trên địa bàn tỉnh ở các mức độ và nguyên nhân phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm và theo dõi, giám sát; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, nguồn nước và tài nguyên rừng theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất.

2. Tăng cường phòng, chống sa mạc hóa thông qua tuyên truyền, đào tạo và tập huấn.

3. Tăng cường năng lực; xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dự báo và cảnh báo sớm; ngăn ngừa, thích ứng với sa mạc hoá.

4. Cải tạo và phục hồi đất bị thoái hoá thông qua các biện pháp canh tác nông, lâm nghiệp thông minh.

5. Chuyển đổi mô hình canh tác, sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ đất và nguồn nước, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái.

6. Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng, trong đó tập trung bảo vệ, khôi phục rừng tự nhiên, nhất là rừng

phòng hộ đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước các hồ, đập; bảo vệ và phát triển rừng chắn gió, chắn cát phòng hộ ven biển; bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

7. Ổn định đời sống cho người dân, cải thiện các điều kiện về y tế, giáo dục và cơ sở hạ tầng tại các khu vực bị sa mạc hóa; giải quyết cấp nước sinh hoạt tại các vùng khô hạn, hoang mạc hóa.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống sa mạc hoá.

9. Ưu tiên các giải pháp hạn chế và phục hồi đất bị suy giảm độ phì và đất bị khô hạn như phủ xanh đất trống, đồi núi trọc bằng trồng, bảo vệ và phát triển rừng; tập trung bảo vệ, khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn, cửa sông, ven biển, chống cát bay, xói lở; rừng đặc dụng; bảo tồn đa dạng sinh học; rừng sản xuất gỗ lớn, nông lâm kết hợp; xây dựng, nâng cấp các hồ chứa nước thủy lợi phục vụ cấp nước mùa khô; hình thành vùng trồng tập trung cây ăn quả có múi, chè, lạc, mía; phát triển cây trồng chịu hạn, tạo cảnh quan và có giá trị kinh tế cao như trám gió, xoan chịu hạn, thanh long, nho, xoài, dừa, đậu, đỗ,...; lựa chọn các giống cây trồng chịu hạn, luân canh với cây trồng có đặc tính cải tạo đất, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ.

IV. NGUỒN VỐN

1. Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch gồm: ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; khuyến khích hợp tác công tư (PPP) trong phục hồi đất và phát triển các mô hình canh tác bền vững; lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án liên quan để thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan/đơn vị liên quan triển khai cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công; tổng hợp, tham mưu các nội dung phát sinh liên quan theo thẩm quyền; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh về tình hình thực hiện Chương trình.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu phương án kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

3. UBND cấp xã

- Chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai Chương trình theo nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này và theo chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý nhà nước được giao.

- Cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách địa phương hàng năm.

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thực hiện Chương trình tại địa phương.

4. Các đơn vị chủ rừng là tổ chức

- Chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai Chương trình theo nhiệm vụ được giao tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này và theo chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý được giao.

- Định kỳ hàng năm, hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thực hiện Chương trình tại đơn vị.

(Chi tiết các nhiệm vụ có phụ lục kèm theo)

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, đơn vị liên quan; UBND cấp xã và các đơn vị chủ rừng nghiêm túc tổ chức thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đề xuất phương án xử lý, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm TT và XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL, NL₄.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Hồ Huy Thành